

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang phụ bì

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các bảng

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CHẾ ĐỊNH THỜI HIỆU TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	12
1.1. Sơ lược lịch sử xuất hiện chế định thời hiệu trong luật hình sự Việt Nam	12
1.2. Khái niệm, bản chất pháp lý và các đặc điểm cơ bản của chế định thời hiệu trong luật hình sự Việt Nam	14
1.3. Bản chất pháp lý của hai phạm trù “hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự” và “hết thời hiệu thi hành bản án kết tội”	17
Chương 2: THỜI HIỆU TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VÀ THỜI HIỆU THI HÀNH BẢN ÁN KẾT TỘI TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	27
2.1. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam.	27
2.2. Thời hiệu thi hành bản án kết tội trong luật hình sự Việt Nam	64
2.3. Phân biệt thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và thời hiệu thi hành bản án kết tội trong luật hình sự Việt Nam	96

Chương 3: HOÀN THIÊN CHẾ ĐỊNH THỜI HIỆU TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999	100
3.1. Nhận xét chung về chế định thời hiệu trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 dưới góc độ so sánh với Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985	100
3.2. Một số tồn tại trong các quy định về chế định thời hiệu trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999	102
3.3. Giải pháp nâng cao tính hiệu quả và mô hình lý luận về chế định thời hiệu trong pháp luật hình sự Việt Nam	107
KẾT LUẬN	116
DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO	119

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Về mặt lý luận: Hiện nay, trong khoa học pháp lý hình sự Việt Nam có không nhiều bài viết đề cập, phân tích những vấn đề lý luận cơ bản cũng như thực tiễn áp dụng các quy phạm của chế định thời hiệu được quy định tại bốn điều luật là Điều 23, Điều 24, Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 1999, để rồi rút ra những mặt cần phải phát huy, cũng như những mặt cần phải khắc phục.

Về mặt lập pháp: Trong lần pháp điển hoá lần thứ hai luật hình sự Việt Nam, lần đầu tiên, nhà làm luật nước ta đã chính thức ghi nhận chế định thời hiệu bằng việc quy định bốn điều luật (Điều 23, Điều 24, Điều 55 và Điều 56) nêu lên nội dung của hai yếu tố cấu thành chế định thời hiệu: đó là thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và thời hiệu thi hành bản án hình sự. Vì vậy, việc làm sáng tỏ để áp dụng một cách chính xác các quy phạm này là rất cần thiết và cấp bách, thêm vào đó sẽ góp phần hoàn chỉnh thêm các vấn đề liên quan đến chế định thời hiệu.

Về mặt thực tiễn: Việc áp dụng đúng đắn và hiệu quả các quy phạm của chế định thời hiệu trong Bộ luật hình sự năm 1999 vào thực tiễn sẽ mang lại những lợi ích thiết thân cho Nhà nước, cho mỗi công dân và cho toàn xã hội.

2. Tình hình nghiên cứu

Nghiên cứu chế định thời hiệu ở các mức độ khác nhau đã được một số nhà khoa học, luật gia quan tâm, nghiên cứu và được đề cập trong các công trình, trong các tạp chí, trong một số sách chuyên khảo và giáo trình.

Trong các công trình, tạp chí, sách chuyên khảo và giáo trình này bước đầu phân tích và làm rõ những vấn đề xung quanh chế định thời hiệu trong Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành, đồng thời đưa ra mô hình lý luận của kiến giải lập pháp về các quy phạm của chế định này trong luật hình sự Việt Nam.

3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng, phạm vi và thời gian nghiên cứu luận văn

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn là làm sáng tỏ một cách tương đối có hệ thống về mặt lý luận những nội dung cơ bản của chế định thời hiệu theo luật hình sự Việt Nam và việc áp dụng chế định này trong thực tiễn, từ đó xác định những bất cập để đề xuất kiến giải lập pháp bằng việc đưa ra mô hình lý luận của các quy phạm về chế định thời

hiệu trong luật hình sự nước ta, cũng như đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng chế định này trong thực tiễn.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Từ mục đích nghiên cứu nêu trên, tác giả luận văn đặt cho mình những nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu sau:

Về mặt lý luận: Trên cơ sở nghiên cứu lược khảo về chế định thời hiệu trong luật hình sự Việt Nam, phân tích khái niệm, các đặc điểm cơ bản của chế định thời hiệu, những trường hợp hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và hết thời hiệu thi hành bản án kết tội trong Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành để làm sáng tỏ bản chất pháp lý và nội dung cơ bản của chế định thời hiệu theo luật hình sự Việt Nam.

Về mặt thực tiễn: Nghiên cứu, đánh giá việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự về chế định thời hiệu trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự nước ta, đồng thời phân tích những tồn tại trong các quy định của chế định thời hiệu và thực tiễn áp dụng chúng nhằm đề xuất và luận chứng sự cần thiết phải hoàn thiện và đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy phạm về chế định này trong pháp luật hình sự Việt Nam.

3.3. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn này tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản của chế định thời hiệu nói chung (mà bao gồm hai chế định nhỏ thuộc nó là chế định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và chế định thời hiệu thi hành bản án kết tội)

Tuy nhiên, do đây là một chế định khó và phức tạp, thêm vào đó thời gian nghiên cứu có hạn cũng như năng lực nghiên cứu, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề của tác giả còn hạn chế, nên trong luận văn này, tác giả chỉ có thể làm sáng tỏ những khía cạnh mà theo quan điểm tác giả là quan trọng và chủ yếu hơn cả.

3.4. Phạm vi và thời gian nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chế định thời hiệu theo pháp luật hình sự Việt Nam dưới góc độ của luật hình sự, đồng thời, luận văn cũng đề cập đến một số quy phạm của luật tố tụng hình sự nhằm hỗ trợ cho việc giải quyết nhiệm vụ và đối tượng nghiên cứu.

Về thời gian, luận văn nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự Việt Nam về chế định thời hiệu trong giai đoạn từ năm 1999 - 2008.

4. Cơ sở lý luận và các phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của luận văn là quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về đấu tranh phòng và chống tội phạm, về tính nhân đạo của pháp luật. Đồng thời, cơ sở lý luận của luận văn cũng dựa trên thành tựu của các chuyên ngành khoa học pháp lý và triết học, những luận điểm khoa học trong các công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo và các bài viết đăng trên tạp chí của một số nhà khoa học luật hình sự Việt Nam và nước ngoài.

Trong quá trình nghiên cứu, luận văn này dựa trên việc sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Ngoài ra, luận văn còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp lịch sử, phương pháp phân tích, phương pháp so sánh, phương pháp tổng hợp, phương pháp thống kê, v.v... trong sự nhìn nhận tổng thể và khách quan, không phiếm diện một chiều.

5. Những đóng góp về mặt khoa học của luận văn

Đây là công trình chuyên khảo đầu tiên trong khoa học luật hình sự Việt Nam nghiên cứu một cách có hệ thống và đồng bộ những vấn đề lý luận và thực tiễn về chế định thời hiệu ở cấp độ một luận văn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Về mặt lý luận: Đây là công trình nghiên cứu chuyên khảo đồng bộ đầu tiên đề cập một cách có hệ thống và toàn diện những vấn đề lý luận và thực tiễn về chế định thời hiệu theo pháp luật hình sự Việt Nam.

Về mặt thực tiễn: Luận văn góp phần vào việc xác định đúng đắn những điều kiện cụ thể của từng trường hợp áp dụng chế định thời hiệu trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng, cũng như đưa ra các kiến nghị hoàn thiện các quy phạm của chế định thời hiệu ở khía cạnh lập pháp, để giúp việc áp dụng chúng trong thực tiễn ngày một hoàn thiện hơn.

7. Bố cục của luận văn

Theo quan điểm của tác giả, luận văn là hợp lý và lôgic khi được sắp xếp theo trình tự sau đây:

Ngoài lời mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn sẽ bao gồm ba chương, đó là:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về chế định thời hiệu trong luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và thời hiệu thi hành bản án kết tội trong luật hình sự Việt Nam.

Chương 3: Hoàn thiện chế định thời hiệu trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CHẾ ĐỊNH THỜI HIỆU TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Lược khảo về chế định thời hiệu trong luật hình sự Việt Nam

Ngay trong thời kỳ Pháp thuộc, các nhà làm luật Trung Kỳ đã sớm ghi nhận tại Điều 44 Hoàng Việt Hình Luật (Bộ luật hình sự Trung Kỳ): “*thể lệ đặt ra cấm không được truy cứu hay thi hành một tội danh đã không xử đoán sau một thời gian đã định trong luật*”. Đây là nội dung thể hiện nguyên tắc không truy cứu trách nhiệm hình sự và không thi hành bản án kết tội sau một khoảng thời gian nhất định [11], và nội dung này được coi là tiền thân của chế định thời hiệu trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay.

Sau khi đất nước ta dành được độc lập, tự do, xuất phát từ nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới – giai đoạn cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội, Nhà nước ta đã xây dựng và ban hành Bộ luật hình sự năm 1985. Sau đó, đã được sửa đổi, bổ sung vào các năm 1989, năm 1991, năm 1992, năm 1997 – gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 1985 đã được sửa đổi, bổ sung. Trong Bộ luật này, nhà làm luật nước ta đã chính thức ghi nhận chế định thời hiệu tại các điều luật 45, 46, 47.

Do vậy, so với Bộ luật hình sự năm 1985, chế định thời hiệu trong Bộ luật hình sự năm 1999 hiện nay của chúng ta đã được xây dựng theo hướng hợp lý hơn, hoàn chỉnh hơn

1.2. Khái niệm, bản chất pháp lý và các đặc điểm cơ bản của chế định thời hiệu trong luật hình sự Việt Nam

Tập thể tác giả Bộ môn Tư pháp hình sự của Khoa luật trực thuộc Đại học quốc gia Hà Nội do TSKH. Lê Cẩm chủ trì đã đưa ra định nghĩa khoa học cho chế định này mà theo quan điểm của chúng tôi là hoàn toàn hợp lý, như sau: “*Thời hiệu trong luật hình sự là một chế định phản ánh nguyên tắc nhân đạo của luật hình sự và được thể hiện bằng việc quy định trong pháp luật hình sự một thời hạn nhất định mà khi hết thời hạn đó, thì người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và người bị kết án không phải chấp hành bản án kết tội có hiệu lực pháp luật đã được tuyên*” [11]

Từ định nghĩa khoa học này, chúng ta có thể rút ra những đặc điểm của chế định thời hiệu: Thứ nhất, đây là một chế định phản ánh nguyên tắc nhân đạo của luật hình sự. Thứ hai, thời hiệu trong pháp luật hình sự chính là một khoảng thời gian nhất định. Trong khoảng thời gian đó, các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền được Nhà nước trao cho quyền truy cứu trách nhiệm hình sự và thi hành bản án kết tội. Thứ ba, chỉ một trong các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền của Nhà nước căn cứ vào các giai đoạn tố tụng hình sự cụ thể được quyền thi hành việc không truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc việc không thi hành bản án kết tội có hiệu lực pháp luật

1.3. Bản chất pháp lý của hai phạm trù “hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự” và “hết thời hiệu thi hành bản án kết tội”

Theo quy định tại Điều 23 Bộ luật hình sự năm 1999 khi hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự nữa, điều đó đồng nghĩa với việc người phạm tội được miễn việc truy cứu trách nhiệm hình sự. Như vậy, bản chất pháp lý của việc hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự chính là người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự.

Còn theo quy định tại Điều 55 Bộ luật hình sự năm 1999 khi hết thời hiệu thi hành bản án kết tội thì người bị kết án không phải chấp hành bản án kết tội đã tuyên, điều đó đồng nghĩa với việc người bị kết án được miễn chấp hành bản án kết tội có hiệu lực pháp luật đã được tuyên, suy cho cùng chính là họ không phải chấp hành hình phạt, hay nói cách khác họ được miễn chấp hành hình phạt.

Trong chế định thời hiệu: các khoảng thời gian mà các nhà làm luật định ra trong thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và thời hiệu thi hành bản án kết tội không phải là ngẫu nhiên, nó được phân chia một cách khoa học và phù hợp. Trong khoảng thời gian đó đặt ra cho cả phía Nhà nước và phía người phạm tội, người bị kết án những trách nhiệm và nghĩa vụ nhất định. Khi hết thời hạn này, nếu các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền chưa hoàn thành công việc của mình, mà người phạm tội và người bị kết án đã thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ của mình thì đó là dấu hiệu cảnh báo đối với các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền về nguy cơ làm việc thiếu hiệu quả, nhưng đồng thời cũng thể hiện người phạm tội và người bị kết án đã tỏ ra “ăn năn, hối cải” vì họ không hề phạm tội mới hay cố tình trốn tránh khi các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền không có lệnh truy nã đối với họ, vì thế mục đích chủ yếu của luật hình sự được các nhà làm luật cho rằng đã đạt được.

Tóm lại, căn cứ mà các cơ quan bảo vệ pháp luật đưa ra đối với chế định nhân đạo này chính là sự nhận định rằng: hiệu quả của việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội cũng như hiệu quả của việc buộc phải chấp hành hình phạt đối với người bị kết án đã không còn nữa, bởi mục đích chủ yếu của luật hình sự lúc này, theo nhận định của các nhà làm luật, đã đạt được.

Chương 2

THỜI HIỆU TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VÀ THỜI HIỆU THI HÀNH BẢN ÁN KẾT TỘI TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

2.1. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam

2.1.1. *Khái niệm và các đặc điểm cơ bản của thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự*

2.1.1.1. *Khái niệm thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự*

Trong lần pháp điển hoá lần thứ hai luật hình sự Việt Nam vừa qua, nhà làm luật nước ta, lần đầu tiên, đã đưa ra khái niệm thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự như sau: *“Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là thời hạn do Bộ luật này quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”* (khoản 1 Điều 23 Bộ luật hình sự năm 1999).

2.1.1.2. *Các đặc điểm cơ bản của thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự*

Thứ nhất, các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền chỉ được quyền truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trong một khoảng thời hạn xác định được quy định tại khoản 2 Điều 23 Bộ luật hình sự năm 1999. Tùy theo từng loại tội khác nhau mà khoảng thời hạn ấy quy định tương ứng khác nhau.

Việc xác định tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hay tội phạm ít nghiêm trọng nói chung chỉ căn cứ vào mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy. Tuy nhiên, trên thực tế, cũng có một số trường hợp ngay sau khi thực hiện hành vi phạm tội, chưa có căn cứ để xác định tội đó là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, nghiêm trọng hay tội phạm ít nghiêm trọng. Qua thực tiễn xét xử, chúng ta còn thấy những trường hợp rất phức tạp khi xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.

Thứ hai, quyền truy cứu trách nhiệm hình sự mà Nhà nước trao cho các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền không tồn tại khi đã qua một thời hạn xác định do pháp luật hình sự quy định. Nghĩa là bất kỳ người nào mặc dù đã có lỗi trong việc thực hiện tội phạm quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999 nhưng sẽ không bị các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội đó của mình.

Đồng thời việc hết thời hạn của thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự chính là một căn cứ pháp lý chung có tính chất bắt buộc cho việc người phạm tội sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự từ phía các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền về hành vi phạm tội của mình.

Thứ ba, ngoài căn cứ pháp lý chung có tính chất bắt buộc, người phạm tội còn phải thoả mãn ba điều kiện cần và đủ mà luật định là: *điều kiện thứ nhất*: các khoảng thời gian của thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự phải tương ứng với các loại tội phạm; *điều kiện thứ hai*: trong khoảng thời gian đấy, người bị kết án không được phạm tội mới mà Bộ luật hình sự năm 1999 quy định mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên 1 năm tù; *điều kiện thứ ba*: trong khoảng thời gian đấy, người bị kết án không được cố tình trốn tránh và đồng thời không có lệnh truy nã từ phía các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền của Nhà nước.

2.1.2. Xác định thời điểm bắt đầu và chấm dứt của thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự

Theo khoản 3 Điều 23 của Bộ luật hình sự năm 1999: “*Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được tính từ ngày tội phạm được thực hiện*”, và kết thúc là sau một khoảng thời gian tương ứng quy định tại khoản 2 Điều 23 Bộ luật hình sự năm 1999.

Hiện nay, về mặt lập pháp không phân biệt rõ các loại tội mặc dù có ghi nhận chúng trong Bộ luật hình sự năm 1999; về mặt lý luận và thực tiễn xét xử chúng được chia ra thành hai loại là: đơn tội phạm (tội đơn nhất) và đa tội phạm. Chúng ta cần xem xét thời điểm bắt đầu và kết thúc thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự của từng trường hợp này để đưa ra những nhận xét thấu đáo và chính xác.

2.1.3 Mỗi liên quan giữa phạm vi của thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình và phạm vi của quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự

● Thứ nhất, về thời điểm bắt đầu: Nếu khoảng cách “hiệu số” giữa hai thời điểm này (thời điểm bắt đầu thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự trừ đi thời điểm

bắt đầu của quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự) ngày càng giảm đi và tiến dần tới bằng “không” thì chứng tỏ rằng: công tác truy tìm tội phạm và người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm của các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền ngày càng đạt kết quả tiến bộ. Còn nếu như khoảng cách “hiệu số” giữa hai thời điểm này có nguy cơ ngày càng tăng lên thì đó là dấu hiệu cảnh báo sự thiếu trách nhiệm trong khi thực hiện công việc của các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền của nhà nước.

● Thứ hai, về thời điểm kết thúc: Nếu khoảng cách “hiệu số” giữa hai thời điểm kết thúc này (thời điểm kết thúc thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự trừ đi thời điểm kết thúc của quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự) là số âm, điều đó không chỉ chứng minh rằng các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền đã không kịp thời thực hiện được trách nhiệm của mình, mà còn cảnh báo cho chúng ta biết luật hình sự vẫn chưa đạt được hiệu quả của mình trong cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm; Nếu khoảng cách “hiệu số” giữa hai thời điểm kết thúc này là bằng không hoặc là số dương, thì đó là dấu hiệu tốt cần phát huy vì nó thể hiện tinh thần trách nhiệm làm việc hết mình của các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền, thể hiện được hiệu quả của luật hình sự và biểu đạt được sự lên án, sự phủ định của Nhà nước và toàn xã hội đối với người đã thực hiện tội phạm.

Thời hiệu và trách nhiệm hình sự là hai phạm trù có liên quan đến nhau: khi giải quyết vấn đề trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, chúng ta phải đặt nó trong một khoảng thời gian xác định, đó là thời hiệu.

Trường hợp đặt ra là nếu một trong các (hoặc tất cả các) cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền cố ý kéo dài thời gian nhằm mục đích làm hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, tạo căn cứ để người thực hiện tội phạm thoát tội. Vậy thì trách nhiệm của các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền như thế nào? Chúng tôi cho rằng loại tội phạm này nên được nhà làm luật nước ta quy định tại một điều luật riêng biệt, cụ thể, nhằm khẳng định vai trò quan trọng của chế định này trong Bộ luật hình sự của Việt Nam.

Hện nay chưa có sự thống kê rõ ràng và đầy đủ của các cơ quan tiến hành tố tụng đối với những trường hợp miễn trách nhiệm hình sự do hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

2.1.4. Vấn đề tính lại thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự

Các nhà làm luật đã ghi nhận cụ thể vấn đề này trong hai trường hợp tại khoản 3 Điều 23 Bộ luật hình sự năm 1999, đó là: Trường hợp thứ nhất – Nếu trong bốn loại thời hạn (tương ứng với bốn loại tội phạm) được quy định tại khoản 2 Điều luật này, người phạm tội lại phạm tội mới mà Bộ luật quy định mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy trên một năm tù, thì thời gian đã qua không được tính và thời hiệu đối với tội cũ được tính lại kể từ ngày phạm tội mới; Trường hợp thứ hai – Nếu trong thời hạn nói trên, người phạm tội cố tình trốn tránh và đã có lệnh truy nã, thì thời gian trốn tránh không được tính và thời hiệu tính lại kể từ khi người đó ra tự thú hoặc bị bắt giữ.

2.1.5. Vấn đề không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự

Theo quy định tại Điều 24 Bộ luật hình sự năm 1999, các nhà áp dụng pháp luật sẽ không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự trong các trường hợp sau: *“Không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 23 Bộ luật này đối với các tội quy định tại Chương XI và Chương XIV của Bộ luật này.”*

Theo TS. Cao Thị Oanh: Luật Hình sự Việt Nam chỉ nên qui định không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phá hoại hoà bình gây chiến tranh xâm lược, tội chống loài người và tội phạm chiến tranh. Đối với tất cả các tội còn lại, cần qui định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự một cách phù hợp trên cơ sở phân hoá tính nguy hiểm cho xã hội của chúng [26].

2.2. Thời hiệu thi hành bản án kết tội trong luật hình sự Việt Nam

2.2.1. Khái niệm và các đặc điểm cơ bản của thời hiệu thi hành bản án kết tội

2.2.1.1. Khái niệm thời hiệu thi hành bản án kết tội

Trong Bộ luật hình sự năm 1999, tại khoản 1 Điều 55 đã đưa ra định nghĩa pháp lý của thời hiệu thi hành bản án hình sự: “thời hiệu thi hành bản án hình sự là thời hạn do Bộ luật này quy định mà khi hết thời hạn đó người bị kết án không phải chấp hành bản án đã tuyên”.

Thực chất, bản án hình sự là một thuật ngữ chung, bao gồm hai dạng bản án là bản án tuyên vô tội và bản án kết tội.

Khái niệm pháp lý của phạm trù thời hiệu thi hành bản án kết tội sẽ có nội dung như sau: thời hiệu thi hành bản án kết tội là những thời hạn xác định - được quy định rõ ràng và cụ thể trong pháp luật hình sự thực định, mà khi kết thúc thời hạn đó thì người bị kết án không bị buộc phải chấp hành bản án kết tội có hiệu lực pháp luật mà Toà án đã tuyên đối với họ.

2.2.1.2. Các đặc điểm cơ bản của thời hiệu thi hành bản án kết tội

Thứ nhất, cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền chỉ được quyền thi hành bản án kết tội có hiệu lực pháp luật đối với người bị kết án trong một khoảng thời hạn xác định được quy định tại khoản 2 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 1999. Tùy theo từng loại và mức hình phạt khác nhau mà khoảng thời hạn ấy quy định tương ứng khác nhau.

Thứ hai, quyền thi hành bản án kết tội mà Nhà nước trao cho cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền không còn tồn tại khi đã qua một khoảng thời hạn xác định do pháp luật hình sự quy định..

Thứ ba, để được hưởng chế định nhân đạo do hết thời hiệu, ngoài căn cứ pháp lý chung có tính chất bắt buộc, người bị kết án còn phải thoả mãn ba điều kiện cần và đủ mà luật định là: *Điều kiện thứ nhất*: các khoảng thời gian của thời hiệu thi hành bản án kết tội phải tương ứng với loại hình phạt và mức hình phạt; *Điều kiện thứ hai*: trong khoảng thời gian đấy, người bị kết án không được phạm tội mới; *Điều kiện thứ ba*: trong khoảng thời gian đấy, người bị kết án không được cố tình trốn tránh, đồng thời không có lệnh truy nã từ phía các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền của Nhà nước.

Nghị quyết số 01/2007/NQ - HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã giải thích: “Trường hợp người bị kết án cố tình trốn tránh, nhưng cơ quan công an không ra quyết định truy nã, hoặc có ra quyết định truy nã nhưng không đúng quy định tại Điều 161 của Bộ luật tố tụng hình sự (trừ những việc không thể thực hiện được, như phải dán ảnh kèm theo, nhưng không có ảnh), thì thời gian trốn tránh vẫn được tính để xác định thời hiệu thi hành bản án hình sự” [43].

Thứ tư, các khoảng thời hạn của thời hiệu thi hành bản án kết tội mà các nhà làm luật quy định chỉ áp dụng đối với loại và mức hình phạt của hình phạt chính, mà không áp dụng đối với các loại hình phạt bổ sung.

2.2.2. Xác định thời điểm bắt đầu và chấm dứt của thời hiệu thi hành bản án kết tội

Thứ nhất, về thời điểm bắt đầu thời hiệu thi hành bản án kết tội được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật

Thứ hai, về thời điểm kết thúc thời hiệu thi hành bản án kết tội đó là sau các khoảng thời gian của thời hiệu thi hành bản án kết tội quy định trong Bộ luật hình sự.

Trong thực tế, chúng ta cần bàn tới việc xem xét vấn đề bồi thường thiệt hại trong việc xoá án tích trong hai trường hợp: Thứ nhất, đối với số tiền bồi thường thiệt

hại; Thứ hai, đối với số tiền phải thu cho Nhà nước. Tác giả Đỗ Văn Chính có nêu lên vấn đề xoá án tích khi hết thời hiệu thi hành án. Căn cứ để xoá án tích khi hết thời hiệu thi hành bản án là Toà án có thẩm quyền thi hành bản án đó phải có văn bản thông báo cho người bị kết án và cơ quan hữu quan cùng cấp biết là đã hết thời hiệu thi hành bản án đó [12].

2.2.3. Mối liên quan giữa phạm vi của thời hiệu thi hành bản án kết tội và phạm vi của quá trình thi hành bản án kết tội

- Thứ nhất, về thời điểm bắt đầu: Nếu khoảng cách “hiệu số” giữa hai thời điểm này (thời điểm bắt đầu thời hiệu thi hành bản án kết tội trừ đi thời điểm bắt đầu của quá trình thi hành bản án kết tội) ngày càng giảm đi và tiến dần tới bằng “không” thì chứng tỏ rằng công tác thi hành án đối với người bị kết án của các cơ quan thi hành án có thẩm quyền ngày càng đạt kết quả tiến bộ. Còn nếu như khoảng cách hiệu số giữa hai thời điểm này có nguy cơ ngày càng tăng lên thì đó là dấu hiệu cảnh báo phần nào sự thiếu trách nhiệm trong khi thực hiện công việc của các cơ quan thi hành án có thẩm quyền của Nhà nước.

- Thứ hai, về thời điểm kết thúc: Nếu khoảng cách “hiệu số” giữa hai thời điểm kết thúc này (thời điểm kết thúc thời hiệu thi hành bản án kết tội trừ đi thời điểm kết thúc của quá trình thi hành bản án kết tội) là số âm, thì không chỉ chứng minh rằng các cơ quan thi hành án có thẩm quyền đã không kịp thời thực hiện được trách nhiệm của mình mà còn cảnh báo cho chúng ta biết luật hình sự vẫn chưa đạt được hiệu quả của mình trong cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm; Nếu khoảng cách “hiệu số” giữa hai thời điểm kết thúc này là bằng không, hoặc là số dương thì đó là dấu hiệu tốt cần phát huy vì nó thể hiện tinh thần trách nhiệm, làm việc hết mình của các cơ quan thi hành án có thẩm quyền, thể hiện được hiệu quả của luật hình sự và biểu đạt được sự lên án, sự phủ định của Nhà nước và toàn xã hội đối với người đã bị kết án.

Trường hợp đặt ra là nếu một trong các (hoặc tất cả các) cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền cố ý kéo dài thời gian, nhằm mục đích làm hết thời hiệu thi hành bản án kết tội có hiệu lực pháp luật, tạo căn cứ để người bị kết án không phải thi hành bản án đó nữa. Vậy thì trách nhiệm của các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền ở đây như thế nào? Chúng tôi cho rằng loại tội phạm này nên được nhà làm luật nước ta quy định tại một điều luật riêng biệt, cụ thể, nhằm khẳng định vai trò quan trọng của chế định này trong Bộ luật hình sự của Việt Nam.

Như vậy, việc áp dụng chế định nhân đạo hết thời hiệu thi hành bản án kết tội được các Tòa án thực hiện tốt, không che dấu, không để mặc. Ngày càng có ít những bản án không được đem ra thi hành do những nguyên nhân chủ quan. Ý thức trách nhiệm của các cán bộ, nhân viên ở các cơ quan tư pháp ngày càng cao. Đây là dấu hiệu tích cực thể hiện sự tôn trọng pháp luật, tôn trọng pháp chế xã hội chủ nghĩa (số liệu từ năm 1999-2008).

2.2.4. Vấn đề tính lại thời hiệu thi hành bản án kết tội

Các nhà làm luật đã ghi nhận cụ thể vấn đề này trong hai trường hợp tại khoản 3 Điều 55 Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999, đó là: Trường hợp thứ nhất – Nếu trong thời hạn của thời hiệu thi hành bản án kết tội (bao gồm ba loại thời hạn được quy định tương ứng với các loại và mức hình phạt đã tuyên đối với người bị kết án tại khoản 2 của Điều này, và loại thời hạn đặc biệt được quy định tại khoản 4 của Điều này), người bị kết án lại phạm tội mới thì thời gian đã qua không được tính và thời hiệu thi hành bản án kết tội sẽ được tính lại kể từ ngày phạm tội mới; Trường hợp thứ hai – Nếu trong thời hạn nói trên, người bị kết án cố tình trốn tránh và đã có lệnh truy nã, thì thời gian trốn tránh không được tính và thời hiệu tính lại kể từ ngày người đó ra trình diện hoặc bị bắt giữ.

2.2.5. Vấn đề không áp dụng thời hiệu thi hành bản án kết tội

Điều 56 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: “*Không áp dụng thời hiệu thi hành bản án đối với các tội quy định tại chương XI và chương XXIV của Bộ luật này*”.

Việc nhà làm luật quy định thêm chương XI trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 là minh chứng cho sự thay đổi trong chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta (trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 vấn đề không áp dụng thời hiệu thi hành bản án chỉ áp dụng đối với các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh tương ứng ở chương XII Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 và chương XXIV Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999): đó là đặt quyền lợi của an ninh quốc gia ngang hàng với quyền lợi của hoà bình và an ninh thế giới, và chính sự thay đổi này đã hạn chế hơn nữa số lượng người được hưởng chế định nhân đạo khi hết thời hiệu thi hành bản án.

2.3. Phân biệt thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và thời hiệu thi hành bản án kết tội trong luật hình sự Việt Nam

Thứ nhất, về một số điểm giống nhau cơ bản: hai chế định này chỉ áp dụng đối với người phạm tội và tội phạm mà được quy định trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999, và khi hết thời hạn được quy định trong hai chế định này kèm với các điều kiện cần và đủ khác sẽ tạo cho người phạm tội được hưởng chế định nhân đạo của Nhà nước, trừ một số trường hợp đặc biệt được quy định trong luật (Điều 24, khoản 4 Điều 55, và Điều 56 Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999), còn nếu người phạm tội vi phạm những điều kiện luật định thì thời gian đã qua hay thời gian trốn tránh đó sẽ không được tính vào khoảng thời gian của thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và thời hiệu thi hành bản án hình sự.

Thứ hai, về một số điểm khác nhau cơ bản:

1) Bốn loại thời hạn của thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được xây dựng căn cứ vào bốn loại tội phạm quy định tại khoản 3 Điều 8 Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999, còn ba loại thời hạn của thời hiệu thi hành bản án kết tội được xây dựng căn cứ vào loại hình phạt và mức hình phạt

2) Các nhà làm luật đã quy định riêng cách áp dụng thời hiệu thi hành bản án kết tội đối với các trường hợp xử phạt tù chung thân hoặc tử hình tại một khoản riêng (khoản 4) mà tách ra khỏi khoản quy định chung về vấn đề này (khoản 2), đây là điểm khác so với sự phân định các khoảng thời hạn khác nhau của thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự – phân định cả bốn loại thời hạn tương ứng với bốn loại tội phạm quy định tại khoản 3 Điều 8 của Bộ luật này.

3) Theo như phân tích tại *chương 2, mục 2.1.2* thuộc Luận văn này: thời hiệu thi hành bản án kết tội, trong trường hợp phạm nhiều tội, phạm tội nhiều lần và phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, có căn cứ tính là dựa vào loại hình phạt và mức hình phạt, mà đã được tổng hợp theo quy định tại Điều 50 và Điều 51 Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999. Vì vậy, thời hiệu thi hành bản án kết tội trong trường hợp này có thể cho rằng cũng đã được tổng hợp từ các thời hiệu thi hành bản án kết tội của các loại tội đơn lẻ trong trường hợp phạm nhiều tội, phạm tội nhiều lần và phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Đây là điểm khác biệt với thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, chúng ta thấy rằng trong trường hợp đa tội phạm không hề tồn tại sự tổng hợp các mức độ nghiêm trọng khác nhau của các loại tội phạm đồng nghĩa với việc không hề tồn tại “sự tổng hợp” thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương 3

HOÀN THIÊN CHẾ ĐỊNH THỜI HIỆU TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999

3.1. Nhận xét chung về chế định thời hiệu trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 dưới góc độ so sánh với Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985

Thứ nhất, nhà làm luật đã ghi nhận riêng biệt định nghĩa pháp lý của các khái niệm thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và thời hiệu thi hành bản án hình sự tại Bộ luật hình sự 1999.

Thứ hai, các thời hạn truy cứu trách nhiệm hình sự và thi hành bản án hình sự trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999, có nội dung cụ thể và rõ ràng hơn trong Bộ luật hình sự 1985

Thứ ba, nhà làm luật đã ghi nhận rõ ràng cách tính thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và cách tính thời hiệu thi hành bản án kết tội, khác với các quy định tương ứng trong Bộ luật hình sự năm 1985.

Thứ tư, trong lần pháp điển hoá Bộ luật hình sự lần thứ hai này, nhà làm luật nước ta đã loại trừ thẩm quyền can thiệp của Nhà nước khi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội và khi thi hành bản án kết tội đối với người bị kết án trong những trường hợp đặc biệt. Điểm khác biệt này đã minh chứng phần nào cho xu hướng nhân đạo hoá trong pháp luật hình sự của Việt Nam.

Thứ năm, và cũng là điểm mới cuối cùng, trong Bộ luật hình sự năm 1999 đã quy định thêm rằng: không áp dụng chế định thời hiệu đối với cả các tội nằm ở Chương XI của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định về các tội xâm phạm an ninh quốc gia.

3.2. Một số tồn tại trong các quy định về chế định thời hiệu trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999

Thứ nhất, cách tính thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 3 Điều 23 Bộ luật hình sự năm 1999 là dựa trên loại tội phạm, do vậy các nhà làm luật nên quy định một cách rõ ràng hơn về cách tính thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các loại tội khác nhau.

Thứ hai, trong Bộ luật hình sự năm 1999, có quy định tại Điều 294 và Điều 305 về tội không truy cứu trách nhiệm hình sự và tội không thi hành án, tuy nhiên các nhà làm luật lại chưa hề quy định tội có nội dung là: người có thẩm quyền trong hoạt động tư

pháp hình sự cố ý kéo dài thời gian nhằm mục đích làm hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội, hay nhằm mục đích làm hết thời hiệu thi hành bản án. Vậy, nên chăng chúng ta hãy ghi nhận loại tội phạm này trong Bộ luật hình sự Việt Nam.

Thứ ba, trong Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành của Việt Nam chưa hề đưa ra khái niệm pháp lý cũng như đặc điểm của phạm trù truy nã, hơn nữa việc sử dụng thuật ngữ truy nã trong hai Bộ luật này cũng không đồng nhất. Trong Bộ luật hình sự chỉ sử dụng duy nhất thuật ngữ lệnh truy nã, còn trong Bộ luật tố tụng hình sự thì sử dụng cả hai thuật ngữ quyết định truy nã và lệnh truy nã. Để đảm bảo cách hiểu thống nhất và cách áp dụng chuẩn xác, thiết nghĩ các nhà làm luật nên chỉnh sửa lại theo hướng chỉ áp dụng duy nhất một thuật ngữ mà thôi.

Thứ tư, trong Bộ luật hình sự cũng như trong Bộ luật tố tụng hình sự không hề đề cập đến định nghĩa pháp lý của hai thuật ngữ đầu thú, tự thú cũng như các trường hợp áp dụng chúng. Trong Bộ luật hình sự chỉ sử dụng duy nhất thuật ngữ tự thú, còn trong Bộ luật tố tụng hình sự thì sử dụng cả hai thuật ngữ. Thiết nghĩ các nhà làm luật nên xem xét và đưa ra quyết định rõ ràng về vấn đề này.

Thứ năm, cần làm rõ thời điểm kết thúc quá trình thi hành án vì đây là vấn đề liên quan trực tiếp đến việc áp dụng chế định nhân đạo cho người bị kết án khi hết thời hiệu thi hành bản án kết tội.

Một điểm cuối, đó là Nghị quyết số 01/2007/NQ – HĐTP ngày 02-10-2007 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã đưa ra một số giải thích thống nhất có tính chất chỉ đạo về những nội dung quy định tại Điều 55 của Bộ luật hình sự. Qua thực tiễn xét xử, vẫn có một số vướng mắc cần được giải thích cụ thể hơn, đó là:

Các nhà làm luật Việt Nam cần quy định rõ ràng hơn về vấn đề tính lại thời hiệu thi hành bản án hình sự: Ngày phạm tội mới được hiểu như thế nào? Chúng ta cần phải làm rõ thuật ngữ “phạm tội”, làm rõ thời điểm người bị kết án bị coi là phạm tội mới.

Thêm vào đó, cần có hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và thời hiệu thi hành bản án đối với những trường hợp truy nã đối với người cùng một lúc phạm nhiều tội, phải thi hành án nhưng chỉ bị truy nã về một tội, việc truy nã không đúng với tội phạm thực hiện..

3.3. Giải pháp nâng cao tính hiệu quả và mô hình lý luận về chế định thời hiệu trong pháp luật hình sự Việt Nam.

3.3.1. Những giải pháp nâng cao tính hiệu quả của chế định thời hiệu.

Thứ nhất, cần xây dựng một hệ thống các quy định pháp luật hoàn thiện và đồng bộ về chế định thời hiệu trong Luật hình sự Việt Nam.

Thứ hai, Nhà nước cần tăng cường biên chế cho ngành Tòa án đi đôi với việc kiện toàn đội ngũ thẩm phán. Có như vậy mới nâng cao ý thức trách nhiệm, phẩm chất đạo đức, trình độ của Thẩm phán.

Thứ ba, trong Tòa án cần xây dựng đội ngũ hội thẩm nhân dân chuyên trách.

Thứ tư, hệ thống các văn bản của luật và dưới luật nên quy định cụ thể về mối quan hệ giữa cơ quan Công an - Viện kiểm sát - Tòa án - Cơ quan thi hành án và các cơ quan quản lý nhà nước.

Thứ năm, cần phải có những quy định về trách nhiệm của cơ quan Tòa án trong việc quản lý, theo dõi, đôn đốc trong việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Thứ sáu, chú trọng và đề cao công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật cho nhân dân.

Thứ bảy, cần củng cố và tăng cường các hình thức trợ giúp pháp lý cho những địa phương những khu vực hẻo lánh xa xôi, xa khu trung tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho mọi công dân được hưởng chế định nhân đạo khi hết thời hiệu.

Thứ tám, cần xây dựng cơ sở vật chất đầy đủ, trang thiết bị hiện đại, trụ sở làm việc của các cơ quan tư pháp.

Trên đây là những giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng chế định thời hiệu. Thiết nghĩ, ngoài những vấn đề đã nêu, vẫn còn nhiều nội dung cần tiếp tục thảo luận để sửa đổi, bổ sung tạo thuận lợi cho quá trình áp dụng pháp luật nói chung và chế định thời hiệu nói riêng.

3.3.2. Mô hình lý luận về chế định thời hiệu trong pháp luật hình sự Việt Nam

Thứ nhất, trong Bộ luật hình sự nên có thêm năm điều luật mới: thứ nhất – khái niệm thời hiệu, thứ hai – miễn trách nhiệm hình sự do hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, thứ ba – miễn chấp hành hình phạt do hết thời hiệu thi hành bản án kết tội, thứ tư – tội cố ý kéo dài thời gian nhằm mục đích làm hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội, thứ năm – tội cố ý kéo dài thời gian nhằm mục đích làm hết thời hiệu thi hành bản án kết tội. Trong đó, ba điều luật thứ nhất, thứ hai và thứ ba sẽ nằm ở phần chung của Bộ luật hình sự; còn hai điều luật thứ tư và thứ năm sẽ nằm ở phần các tội phạm của Bộ luật hình sự. Cụ thể nội dung và cơ cấu các

điều như sau: **Điều ...**Khái niệm thời hiệu (mới), **Điều...**Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, **Điều ...**Thời hiệu thi hành bản án kết tội, **Điều ...**Miễn trách nhiệm hình sự do hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự (mới), **Điều ...**Miễn chấp hành hình phạt do hết thời hiệu thi hành bản án kết tội (mới), **Điều ...**Tội cố ý kéo dài thời gian nhằm mục đích làm hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội (mới), **Điều ...**Tội cố ý kéo dài thời gian nhằm mục đích làm hết thời hiệu thi hành bản án kết tội (mới)

Thứ hai, trong các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật như: Thông tư liên tịch, Nghị quyết, v.v...nên đưa ra cách giải thích thống nhất những vấn đề sau: 1) Cách tính thời điểm bắt đầu và kết thúc thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự cần được cụ thể hoá đối với từng loại tội khác nhau. 2) Xác định rõ thời điểm kết thúc quá trình thi hành án

KẾT LUẬN

Sau khi nghiên cứu những vấn đề cơ bản và quan trọng nhất liên quan đến chế định thời hiệu trong luật hình sự Việt Nam, chúng tôi xin được đưa ra một số luận điểm có tính chất tổng kết cho khoá luận tốt nghiệp này như sau:

Thứ nhất, chế định thời hiệu là một chế định rất quan trọng của pháp luật hình sự. Mặc dù chưa có định nghĩa pháp lý chung, tổng quát của chế định thời hiệu, nhưng trong Bộ luật hình sự năm 1999 đã ghi nhận định nghĩa pháp lý của hai chế định nhỏ thuộc nó - đó là chế định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và chế định thời hiệu thi hành bản án kết tội tương ứng tại khoản 1 Điều 23 và khoản 1 Điều 55 của Bộ luật này.

Thứ hai, khi hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và hết thời hiệu thi hành bản án kết tội, đồng thời người phạm tội và người bị kết án đáp ứng được đầy đủ các điều kiện cần và đủ khác theo quy định tại Điều 23 và Điều 55 Bộ luật hình sự năm 1999 thì họ sẽ được hưởng chế định nhân đạo của Nhà nước – người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự nữa và người bị kết án cũng không phải chấp hành bản án kết tội đã tuyên.

Thứ ba, sự tồn tại của chế định thời hiệu là một trong những yếu tố căn bản giúp cho các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền có trách nhiệm trong hoạt động pháp lý của mình, giúp cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm đạt nhiều kết

quả khả quan, góp phần quan trọng vào việc giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và của công dân; từ đó, củng cố niềm tin của nhân dân vào sự nghiệp bảo vệ công lý, công bằng và bình đẳng của các cơ quan tư pháp hình sự nói riêng cũng như toàn ngành tư pháp nói chung; và tất cả những điều đó sẽ là những nấc thang để đưa nguyên tắc pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mà Đảng và Nhà nước ta đã đặt ra, từng bước được nâng cao và phát huy trên thực tế.

Thứ tư, để cho chế định thời hiệu ngày càng hoàn thiện hơn nữa, ngày càng thể hiện, phát huy được ý nghĩa quan trọng của nó thì chúng ta cần phải khắc phục và sửa chữa những sai lầm, thiếu sót liên quan đến chế định này trên nguyên tắc: quán triệt quan điểm chỉ đạo chung của Đảng, đồng thời xem xét đến cơ sở kinh tế, xã hội của Việt Nam, và nhận thức chính trị của người dân, bởi vì: sự nhận định về hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây hại đến lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, sự đưa ra các giải pháp và chấp nhận chúng trong vấn đề đấu tranh phòng, chống và tiến tới xoá bỏ sự tồn tại của những hành vi nguy hiểm ấy chỉ là một vấn đề thuộc về ý thức xã hội trong từng thời đại mà thôi. Ý thức ấy do chế độ kinh tế, do quan hệ xã hội, do quyền lợi thiết thực, và do trình độ giác ngộ về chính trị mà nảy ra [21].

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TSKH. PGS. Lê Cẩm (2006), “Những vấn đề lý luận về bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự”, *Tạp chí Tòa án nhân dân* (12).
2. TSKH. PGS. Lê Văn Cẩm (2005), *Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 723, 735, 737, 738.
3. TSKH. Lê Cẩm (2002), *Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình sự*, 4, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 82.
4. TSKH Lê Cẩm chủ biên (2002), “Những vấn đề cơ bản về pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới”, *Thông tin Khoa học pháp lý*.
5. TSKH. Lê Cẩm (2001), “Chương IV – Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự”, *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999*, 1, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

6. TSKH. Lê Cẩm (2002), “Về bản chất pháp lý của các khái niệm: Miễn trách nhiệm hình sự, truy cứu trách nhiệm hình sự, không phải chịu trách nhiệm hình sự và loại trừ trách nhiệm hình sự”, *Tạp chí Kiểm sát*.
7. TSKH. PGS. Lê Văn Cẩm (2005), “Nghiên cứu so sánh luật hình sự của một số nước Châu Âu (Phần thứ tư: một số vấn đề cơ bản khác của phần chung)”, *Tạp chí Tòa án nhân dân* (21).
8. TSKH. PGS. Lê Văn Cẩm (2005), *Những vấn đề lý luận cơ bản về Phần chung luật hình sự*. (Tài liệu giảng dạy dành cho sinh viên năm cuối cùng hệ Đại học chính quy). Hà Nội.
9. TSKH. PGS. Lê Cẩm (2006), “Những vấn đề lý luận về bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự”, *Tạp chí Tòa án nhân dân* (13).
10. TSKH. PGS. Lê Cẩm (2006), “Những vấn đề lý luận về bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự”, *Tạp chí Tòa án nhân dân* (14).
11. Tập thể tác giả Bộ môn Tư pháp hình sự của Khoa Luật trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội do TSKH. Lê Cẩm chủ trì (2002), *Những vấn đề lý luận cơ bản về chế định thời hiệu trong luật hình sự Việt Nam*, Đề tài NCKH cấp Khoa trực thuộc (Trường thành viên) năm 2001. Hà Nội, tr. 12, 13, 43, 47.
12. Đỗ Văn Chính (2003), “Xoá án tích và những vấn đề cần lưu ý”, *Tạp chí Tòa án nhân dân* (6).
13. TS. Lê Văn Đệ (2003), *Chế định nhiều tội phạm – những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội, tr. 241.
14. Hoàng Ngọc Hoài (2003), “Hoàn thiện chế định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam – lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Tòa án nhân dân* (5).
15. http://www.vietlaw.saigonnet.vn/data/reply/nam2002/01/25_thiahanhan.htm,
16. <http://www.saigonnet.vn/phapluat/data/reply/2003/200301/pl20020110-03.htm>
17. <http://www.vov.org.vn/chuyenmuc/phongsudieutra/>
18. <http://vnexpress.net/VietNam/Phap-luat/2003/11/3B9CCEC2/>
19. <http://vnexpress.net/VietNam/Phap-luat/2005/01/3B9DB1F1/>
20. Tập thể tác giả trường Đại học Luật Hà Nội do PGS. TS. Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 128, 236.

21. Vũ Đình Hoà (2001), *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, NXB Văn hoá thông tin, Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, tr. 418, 423
22. Iu. M. Tkatrepxki (1978), *Chế định thời hiệu trong luật hình sự Xô Viết*, NXB Trường Đại học tổng hợp Matxcova, tr. 8 – Trích theo TS. Trần Quang Tiệp (2006), “Một số vấn đề lý luận về chế định thời hiệu trong luật hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (4), tr. 3 – 4.
23. Hồ Lưu (2000), “Bị phạt 04 năm tù giam, nhưng không phải thi hành án”, *Báo pháp luật*.
24. Msvenhiradze P. Ia (1970), *Chế định thời hiệu trong luật hình sự Xô Viết*, Tbilisi, tr. 70 – Trích theo TS. Trần Quang Tiệp (2006), “Một số vấn đề lý luận về chế định thời hiệu trong luật hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (4), tr. 3 – 4.
25. Nhà xuất bản Từ điển bách khoa (1999), *Từ điển Luật học*, Hà Nội, tr. 464, 539.
26. TS. Cao Thị Oanh (2008), *Nguyên tắc phân hoá trách nhiệm hình sự*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, tr. 65, 145-146.
27. Lê Xuân Sinh (2005), “Về thời hiệu thi hành bản án đối với các trường hợp phạm nhân trốn trại hoặc người bị kết án cố tình trốn tránh việc thi hành án mà không có lệnh truy nã”, *Tạp chí Tòa án nhân dân* (19).
28. Tòa án nhân dân tối cao (1999), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án năm 1999 và phương hướng, nhiệm vụ công tác ngành Tòa án năm 2000*, Hà Nội.
29. Tòa án nhân dân tối cao (2000), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án năm 2000 và phương hướng, nhiệm vụ công tác ngành Tòa án năm 2001*, Hà Nội.
30. Tòa án nhân dân tối cao (2001), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án năm 2001 và phương hướng, nhiệm vụ công tác ngành Tòa án năm 2002*, Hà Nội.
31. Tòa án nhân dân tối cao (2002), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án năm 2002 và phương hướng, nhiệm vụ công tác ngành Tòa án năm 2003*, Hà Nội.
32. Tòa án nhân dân tối cao (2003), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án năm 2003 và phương hướng, nhiệm vụ công tác ngành Tòa án năm 2004*, Hà Nội.
33. Tòa án nhân dân tối cao (2004), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án năm 2004 và phương hướng, nhiệm vụ công tác ngành Tòa án năm 2005*, Hà Nội.

34. Toà án nhân dân tối cao (2005), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Toà án năm 2005 và phương hướng, nhiệm vụ công tác ngành Toà án năm 2006*, Hà Nội.
35. Toà án nhân dân tối cao (2006), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Toà án năm 2006 và phương hướng, nhiệm vụ công tác ngành Toà án năm 2007*, Hà Nội.
36. Toà án nhân dân tối cao (2007), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Toà án năm 2007 và phương hướng, nhiệm vụ công tác ngành Toà án năm 2008*, Hà Nội.
37. Toà án nhân dân tối cao (2008), *Báo cáo tổng kết công tác ngành Toà án năm 2008 và phương hướng, nhiệm vụ công tác ngành Toà án năm 2009*, Hà Nội.
38. TS. Trần Quang Tiếp (2006), “Một số vấn đề lý luận về chế định thời hiệu trong luật hình sự Việt nam”, *Tạp chí Toà án nhân dân* (4).
39. *Tạp chí dân chủ và pháp luật* (1998), *Số chuyên đề về Luật hình sự một số nước trên thế giới*, Hà Nội, tr. 71, 73.
40. Toà án nhân dân tối cao (1998), *Các văn bản về hình sự, dân sự, tố tụng, hành chính và kinh tế*, Hà Nội, tr. 20 – 23.
41. Toà án nhân dân tối cao (2003), *Nghị quyết số 02/2003/NQ – HĐTP ngày 17-4-2003 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*, tr. 03.
42. TS. Trần Quang Tiếp (2002), *Một số vấn đề về thi hành án hình sự*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 15.
43. Toà án nhân dân tối cao (2007), *Nghị quyết số 01/2007/NQ - HĐTP ngày 02-10-2007 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao*, tr.2.
44. Trịnh Tiến Việt (2005), “Về một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về miễn trách nhiệm hình sự trong pháp luật hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Toà án nhân dân*, (2).
45. Trịnh Tiến Việt (2005), “Về chế định miễn trách nhiệm hình sự trong pháp luật hình sự một số nước trên thế giới”, *Tạp chí Toà án nhân dân*, (4).
46. TS. Phùng Thế Vác, TS. Trần Văn Luyện, LS.ThS. Phạm Thanh Bình, ThS. Nguyễn Đức Mai, ThS. Nguyễn Sỹ Đại, ThS. Nguyễn Mai Bộ (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự 1999 (Phần các tội phạm)*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, tr 710.

47. Viện Nhà Nước và Pháp luật, Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô. Matxcova (1984), *Những vấn đề hoàn thiện pháp luật hình sự*, tr. 104 – Trích theo: TS Trần Quang Tiệp (2006), “Một số vấn đề lý luận về chế định thời hiệu trong luật hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (4), tr. 3.
48. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2002), *Báo cáo tổng kết công tác ngành kiểm sát năm 2002*, Hà Nội.
49. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2003), *Báo cáo tổng kết công tác ngành kiểm sát năm 2003*, Hà Nội.
50. Võ Khánh Vinh chủ biên (2001), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.